

Bản án số: 36/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 24-8-2020

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Ngọc Bích

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trọng Tảo

2. Bà Trương Thị Dung

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Mạnh Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Ngày 24 tháng 8 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 160/2020/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 160/2020/QĐXXST - HNGĐ, ngày 24 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M - Sinh năm: 1992.

Địa chỉ: Xóm 3, xã Y, huyện Y, tỉnh N.

Bị đơn: Anh Tạ Hùng C – Sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đ.

Tại phiên tòa: Chị M và anh C vắng mặt (chị M, anh C xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn Chị Nguyễn Thị M trình bày:

Chị kết hôn với Anh Tạ Hùng C năm 2012, đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện X, tỉnh Đ. Sau khi kết hôn anh, chị chung sống hạnh phúc được 05 năm phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, anh C hay uống rượu, không quan tâm đến vợ con, gia đình. Chị đã góp ý nhiều lần nhưng anh C không thay đổi nên chị đã chủ động đưa con về quê ngoại ở xã Y, huyện Y, tỉnh N sống từ năm 2017. Cùng năm 2017, chị gửi đơn xin ly hôn anh C tại Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Đ. Tòa án huyện Xuân Lộc đã hòa giải cho chị và anh C đoàn tụ nên chị đã rút đơn xin ly hôn để cho anh C một cơ hội. Nhưng sau khi rút đơn xin ly hôn tại Tòa án huyện Xuân Lộc xong thì anh C vẫn không thay đổi nên

chị chán nản và quyết định ở lại xã Y để sinh sống, không chấp nhận đoàn tụ với anh C nữa. Chị và anh C sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh C.

Về con chung: Chị và anh C có 01 con chung là Tạ Nguyễn Bảo N, sinh ngày 23/12/2012 hiện nay đang sống cùng chị. Chị đề nghị được nuôi con chung, không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung và các vấn đề khác có liên quan trong quan hệ hôn nhân: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Theo Bản tự khai, bị đơn Anh Tạ Hùng C trình bày:

Về thời gian và điều kiện kết hôn, anh C trình bày phù hợp với lời khai của chị M. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc được 05 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do Chị M tự ý ra ngoài quê ngoại ở xã Y, huyện Y, tỉnh N. Anh thuyết phục Chị M đưa con về Đ để vợ chồng, con cái chung sống nhưng Chị M không đồng ý. Sau đó Chị M gửi đơn xin ly hôn lên Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Đ. Tòa án huyện Xuân Lộc có hòa giải cho 02 vợ chồng về đoàn tụ nên Chị M đã rút đơn về. Sau khi rút đơn tại Tòa án huyện Xuân Lộc, Chị M lại đưa con về nhà ngoại ở xã Y sinh sống. Anh vẫn thuyết phục Chị M về Đ nhưng Chị M nhất quyết không về. Thỉnh thoảng anh vẫn gửi tiền cho Chị M để nuôi con và có về thăm con. Anh và Chị M đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay Chị M xin ly hôn anh không nhất trí vì anh muốn giữ gia đình cho con. Nhưng nếu Chị M vẫn nhất quyết xin ly hôn thì anh tùy Chị M giải quyết ly hôn đơn phương.

Về con chung: Anh C xác nhận anh chị có 01 con chung như Chị M đã trình bày. Anh đề nghị được nuôi con chung, không yêu cầu Chị M phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung và các vấn đề khác có liên quan trong quan hệ hôn nhân: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Theo Đơn đề nghị đề ngày 30/7/2020, ông Nguyễn Văn C (bố đẻ chị M), bà Lê Thị L (mẹ đẻ chị M) trình bày:

Về thời gian và điều kiện kết hôn, ông C, bà L trình bày phù hợp với lời khai của chị M. Sau khi kết hôn anh C, chị L sống với nhau hạnh phúc được 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp nhau, anh C hay uống rượu, không quan tâm đến vợ, con. Trước đây gia đình bà sống gần nhà anh C ở huyện X, tỉnh Đ. Đến năm 2017 gia đình ông bà chuyển về sống tại xóm 3, xã Y, Chị M cũng đưa con về sống cùng gia đình ông bà, anh C, Chị M cũng sống ly thân từ thời điểm đó. Thỉnh thoảng anh C cũng có về xã Y thăm con nhưng vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Ông bà đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Ông bà xác nhận anh chị có 01 con chung như Chị M trình bày. Từ khi 02 vợ chồng ly thân, cháu N ở với mẹ. Ông bà đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi con chung của anh C, chị L theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị M, anh C cùng xin giải quyết vắng mặt, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật nhưng hai bên đương sự không thống nhất giải quyết được các vấn đề trong vụ án nên Tòa án nhân dân huyện Ý Yên đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa:

Chủ tọa phiên tòa công bố nội dung đơn của chị M, anh C đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt. Vụ án được xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Đây là vụ án tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về con chung khi ly hôn” do nguyên đơn Chị Nguyễn Thị M thực hiện quyền khởi kiện. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị M, bị đơn Anh Tạ Hùng C có thỏa thuận chọn Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định giải quyết đơn khởi kiện của Chị M nên căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Về việc vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án chị M, anh C đều có đề nghị xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại các Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: Hôn nhân giữa chị M, anh C được xác lập vào năm 2012, đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện X, tỉnh Đ là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh, chị chung sống hạnh phúc được 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Chị M cho rằng anh C hay uống rượu, không quan tâm đến vợ con, gia đình, chị đã góp ý nhiều lần nhưng anh C không thay đổi khiến chị chán nản. Anh C cho rằng Chị M tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã Y, huyện Y, tỉnh N, anh đã nhiều lần thuyết phục Chị M quay về tỉnh Đồng Nai sống nhưng Chị M không đồng ý. Anh C, Chị M đã sống ly thân nhau từ năm 2017 đến nay. Chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn anh C, anh C không đồng ý vì muốn giữ gia đình cho con. Anh C có quan điểm nếu Chị M vẫn nhất quyết ly hôn thì anh đề

mặc cho Chị M giải quyết ly hôn đơn phương. Xét thấy anh C, Chị M có thời gian ly thân đã lâu, quan hệ hôn nhân của anh, chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị M xử cho chị M, anh C ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Chị M, anh C có 01 con chung là Tạ Nguyễn Bảo N, sinh ngày 23/12/2012. Chị M, anh C đều có nguyện vọng được nuôi con chung. HĐXX xét thấy, cháu N hiện đang sinh sống và học tập ổn định cùng với Chị M tại xóm 3, xã Y, huyện Y, tỉnh N. Bản thân cháu N cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy nên giao cháu N cho Chị M trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của Chị M không yêu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về tài sản chung và các vấn đề khác trong hôn nhân: Chị M, anh C không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[5]. Về án phí: Chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ và các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 147, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử ly hôn giữa Chị Nguyễn Thị M và anh Tạ Hùng C.

2. Về con chung: Giao con chung là Tạ Nguyễn Bảo N, sinh ngày 23/12/2012 cho Chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị M.

Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị M, anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí:

Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị M phải nộp là 300.000 đồng. Đối trừ với số tiền 300.000 đồng Chị M đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số

AA/2015/0001482, ngày 24/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên. Chị M đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo của đương sự: Chị Nguyễn Thị M và Anh Tạ Hùng C được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh: 01 bản;
- VKSND Tỉnh+Huyện: 02 bản;
- Chi cục Thi hành án dân sự: 01 bản;
- Các đương sự: 02 bản;
- UBND xã Y : 01 bản;
- UBND xã X: 01 bản;
- Hồ sơ vụ án: 01 bản;
- Lưu VP.

Bùi Thị Ngọc Bích